

Bản án số: 137/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 6 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị D, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Ấp M Đ, xã T A K, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp M Đ, xã T A K, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như tại biên bản hòa giải chị Tạ Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh Đ kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A K, huyện Đ D, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh Đ ghen và đánh chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Khánh P, sinh ngày 21/7/2011 và Nguyễn Khánh V, sinh ngày 06/4/2017. Hiện tại cháu P đang sống với anh Đ và cháu V sống với chị D. Khi ly hôn chị D xin nuôi cháu V, giao cháu P cho anh Đ nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Chị D xác định có 60.000.000 đồng, không đặt ra phân chia, giao cho anh Đ hưởng toàn bộ.

Về nợ: Chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải của Tòa án anh Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ xác định về thời gian kết hôn, việc có đăng ký kết hôn chị D trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị D không chung thủy với anh. Anh Đ đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh Đ xác định chị D trình bày là đúng. Khi ly hôn anh Đ xin nuôi hai con, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định số tiền 60.000.000 đồng đã dùng vào việc trị bệnh cho chị D, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Tạ Thị D có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm và anh Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Đức vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D thấy rằng, mặc dù về nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bày không phù hợp với nhau, chị D xin ly hôn được anh Đ đồng ý. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị Tạ Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

[3] *Về con chung*: Xét yêu cầu xin nuôi cháu V của chị Diễm thấy rằng, từ ngày anh chị ly thân đến nay cháu V do chị D nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, cần giao cháu V cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu xin nuôi hai con của anh Đ thấy rằng, từ ngày anh chị ly thân đến nay cháu V do chị D và cháu P do anh Đ nuôi dưỡng hai cháu đã phát triển ổn định về điều kiện sống và sinh hoạt. Do đó, để đảm bảo cho hai cháu được phát triển toàn diện, việc thay đổi người nuôi con có thể làm ảnh hưởng đến sự phát triển của hai cháu nên cần tiếp tục giao cháu P cho anh Đ nuôi dưỡng, điều đó cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P là được sống với anh Đ. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị D và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Đối với số tiền 60.000.000 đồng, chị D và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ*: Chị D và anh Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: vào các Điều 28; Điều 35 và khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị Diễm. Cho chị Tạ Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh P, sinh ngày 21/7/2011 cho anh Nguyễn Hữu Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 06/4/2017 cho chị Tạ Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị Tạ Thị D và anh Nguyễn Hữu Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tạ Thị D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 27 tháng 4 năm 2020 chị Tạ Thị D đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0010477 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, được chuyển thu.

Chị Tạ Thị D và anh Nguyễn Hữu Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đ D;
- Chi cục THADS huyện Đ D;
- UBND xã T A K, huyện Đ D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến